



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

Địa chỉ liên lạc: Tầng 2 tòa nhà Trung Yên 1, KĐT Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 0978998254 Email: mpt397979@gmail.com

Website: truongtiengroup.com.vn

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền trân trọng kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 như sau:

1. Thời gian, địa điểm.

- Thời gian: 08h00 - Thứ 6, ngày 25 tháng 6 năm 2021
- Địa điểm: Hội trường lớn, MBLand Tầng 4, Tháp A, Tòa nhà Keangnam, đường Dương Đình Nghệ, Hà Nội.
- Lưu ý: Nếu cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần 1 diễn ra bất thành thì Công ty sẽ tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần 2 vào ngày 02/7/2021. Nếu cuộc họp lần 2 bất thành thì Công ty sẽ tiến hành tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần 3 vào ngày 09/7/2021 tại địa điểm trên.

2. Thành phần tham dự.

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt ngày đăng ký cuối cùng 28/05/2021 tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- Các Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và khách mời (nếu có).

3. Nội dung Đại hội.

- Thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021;
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
- Thông qua các nội dung về sửa đổi điều lệ, lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021, bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên công ty và các tờ trình ủy quyền;
- Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;
- Thông qua các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Đăng ký tham dự Đại hội.

- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội. Nếu cổ đông ủy quyền, thì có thể ủy quyền cho một trong số Thành viên HĐQT Công ty hoặc ủy quyền cho người khác thay mặt cổ đông tham dự Đại hội (theo Mẫu Giấy Đăng ký tham dự/ủy quyền tham dự gửi kèm Thông báo này).



- Cổ đông hoặc người được ủy quyền xác nhận việc tham dự Đại hội bằng việc gửi *Giấy Đăng ký tham dự/ủy quyền tham dự* (theo mẫu) tới Ban tổ chức trước 17h00' ngày 24/6/2021 bằng cách gọi điện thoại hoặc gửi email về địa chỉ sau:
 - Điện thoại: 0978998254
 - Email: mpt397979@gmail.com
 - Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Trung Yên 1, KĐT Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Cổ đông/ người được ủy quyền khi tham dự Đại hội cần mang theo bản gốc: Thông báo mời họp, CMND/ Thẻ căn cước còn thời hạn sử dụng của người dự họp và Giấy Đăng ký tham dự/ủy quyền tham dự họp lệ.

5. Tài liệu họp.

Toàn bộ tài liệu họp và các biểu mẫu liên quan ĐHCĐ thường niên năm 2021 được đăng tải trên website của Công ty tại địa chỉ: www.truongtiengroup.com.vn

Rất mong sự hiện diện của Quý cổ đông để Đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng!

(Thông báo này thay cho Giấy mời).

Hà Nội, ngày 02. tháng 6. năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Gia Khoa



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN



CHƯƠNG TRÌNH HỌP

Thời gian: 08h giờ, Thứ 6, ngày 25 tháng 6 năm 2021.

Địa điểm: Hội trường lớn, MBLand tầng 4, Tháp A, tòa Keangnam, đường Dương Đình Nghệ, Hà Nội.

Thời gian dự kiến	Nội dung
08h00-08h30	Tiếp đón Đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
08h30 - 9h00	Thủ tục khai mạc <ul style="list-style-type: none">- Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.- Thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông và Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.- Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch Đại hội.- Đề cử và thông qua Thư ký, Ban kiểm phiếu Đại hội.- Thông qua chương trình nghị sự, Quy chế làm việc của Đại hội.- Chủ tọa tuyên bố khai mạc cuộc họp.
09h00 - 10h00	Trình bày các báo cáo và tờ trình: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT);- Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty;- Báo cáo của Ban kiểm soát và Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021;- Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;- Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty;- Tờ trình thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh;- Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của ban kiểm soát;- Các tờ trình Ủy quyền cho HĐQT;
10h00-10h30	Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024 <ul style="list-style-type: none">- Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT- Thông qua quy chế bầu cử; Quy định đề cử, ứng cử; Danh sách các ứng viên.
10h30 – 11h00	<ul style="list-style-type: none">- Thảo luận và trả lời các câu hỏi tại Đại hội.- Cổ đông tiến hành biểu quyết về các nội dung Đại hội; tiến hành bầu thành viên HĐQT
11h00 - 11h30	<ul style="list-style-type: none">- Nghỉ giải lao và Kiểm phiếu.
11h30 - 12h00	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả kiểm phiếu các nội dung biểu quyết và kết quả bầu cử thành viên HĐQT;- Đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.- Bế mạc Đại hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN



GIẤY ĐĂNG KÝ

THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

I. Thông tin cổ đông¹

Cổ đông: Số thứ tự:
Địa chỉ:
Số điện thoại:
Số CMND/CCCD/ĐKKD: ngày cấp: nơi cấp:
Số cổ phần sở hữu: (cổ phần).
Người đại diện theo pháp luật (đối với cổ đông tổ chức):

II. Xác nhận trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền tham dự

Tôi xin xác nhận việc trực tiếp tham dự/ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền như sau:

1. Cổ đông trực tiếp tham dự

....., ngày..... tháng..... năm

CỔ ĐÔNG²

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

2. Cổ đông ủy quyền cho Ông/Bà có tên dưới đây tham dự họp, phát biểu, thảo luận, biểu quyết, ký các văn bản liên quan và thực hiện các quyền/nghĩa vụ của cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021³:

- i) Ông Nguyễn Gia Khoa - Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền
 ii) Ông Lưu Quang Minh - Thành viên HĐQT Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền
 iii) Ông/Bà:^{3a}

Số CMND/Thẻ căn cước: ngày cấp: nơi cấp:
Số điện thoại:

Số cổ phần ủy quyền: toàn bộ số cổ phần nêu tại Mục I.

Ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 tổ chức xong. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

Tôi cam đoan không khiếu nại và hoàn toàn chịu trách nhiệm về công việc và kết quả biểu quyết do Người được ủy quyền thực hiện.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN^{3a}
(ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm

CỔ ĐÔNG^{3b}

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu
nếu là tổ chức)

¹ Cổ đông điền đầy đủ thông tin trong Mục I.

² Nếu cổ đông trực tiếp tham dự họp, cổ đông ký xác nhận theo quy định vào Mục II.1 (Không ký vào Mục II.2; nếu cổ đông là tổ chức thì Người đại diện theo pháp luật ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của tổ chức).

³ Nếu cổ đông ủy quyền cho người khác (chỉ thực hiện ủy quyền cho 01 người) tham dự họp:

- Cổ đông chọn bằng việc gạch chéo (x) một trong các ô trong Mục II.2.

- ^{3a} Trường hợp ủy quyền cho người khác không phải Thành viên HĐQT nêu trên thì điền đủ thông tin về Người được ủy quyền trong Mục II.2.iii, đồng thời Người được ủy quyền này ký xác nhận theo quy định vào Mục II.2 (Không ký vào Mục II.1).

- ^{3b} Cổ đông ký xác nhận theo quy định vào Mục II.2 (nếu cổ đông là tổ chức thì Người đại diện theo PL ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của tổ chức).

Hà Nội, ngày tháng năm 2021



QUY CHẾ LÀM VIỆC¹

CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 21

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

(Ngày 25/6/2021)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (Sau đây gọi chung là Đại hội/Cuộc họp) vào ngày 25/6/2021 của Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền.

2. Đối tượng áp dụng: Các cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền, người được ủy quyền dự họp của cổ đông, Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục tiêu

- Đảm bảo nguyên tắc công khai và dân chủ.
- Tạo điều kiện cho công tác tổ chức, tiến hành Đại hội đồng cổ đông được thành công tốt đẹp; đưa ra được những quyết nghị đúng đắn.

CHƯƠNG II

THAM DỰ, TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI

Điều 3. Ủy quyền tham dự Đại hội

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp; hoặc qua Người đại diện theo pháp luật/Người đại diện theo uỷ quyền (đối với cổ đông tổ chức).

Cổ đông hoặc Người đại diện theo pháp luật /Người đại diện theo uỷ quyền (đối với cổ đông tổ chức) có thể ủy quyền cho người khác đại diện cho cổ đông tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi quyền hạn của mình.

¹ Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung phù hợp và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định tại Đại hội.

Người được uỷ quyền dự họp có thể là cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền hoặc không nhất thiết phải là cổ đông, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền.

Người được uỷ quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi được uỷ quyền phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ, quy định của Công ty. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.

2. Việc uỷ quyền cho Người được uỷ quyền, thay đổi Người được uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

2.1. Trường hợp cổ đông cá nhân là Người uỷ quyền thì phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của cổ đông đó và Người được uỷ quyền dự họp;

2.2. Trường hợp cổ đông tổ chức uỷ quyền cho người khác không phải là Người đại diện theo pháp luật hoặc Người đại diện theo uỷ quyền của tổ chức tại Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền thì phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Người đại diện theo pháp luật của cổ đông và Người được uỷ quyền dự họp và có đóng dấu của tổ chức lên chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của tổ chức. Nếu Người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tổ chức là người ký uỷ quyền thì phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của Người đại diện theo uỷ quyền, Người đại diện theo pháp luật của cổ đông và Người được uỷ quyền dự họp; và có đóng dấu của tổ chức lên chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

3. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội phải nộp bản gốc văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

4. Việc uỷ quyền được thực hiện theo biểu mẫu được gửi/công bố kèm theo Thông báo mời họp.

5. Trường hợp phát sinh vấn đề ngoài quy định trên thì phải tuân theo Điều lệ Công ty, quy định pháp luật và phải được Chủ tọa quyết định.

Điều 4. Điều kiện tiến hành họp

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết (*mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết*).

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **33%** tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 5. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội dự kiến sẽ diễn ra trong 1/2 ngày.
2. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các vấn đề trong danh sách các nội dung cần thông qua do Hội đồng quản trị lập.

Điều 6. Phát biểu ý kiến tại Đại hội

1. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu bằng cách giơ tay hoặc giơ Thẻ/Phiếu biểu quyết (nếu có) và được sự đồng ý của Chủ tọa.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình, nội dung của Đại hội đã được thông qua. Trường hợp, cổ đông phát biểu, có ý kiến nằm ngoài chương trình, nội dung của Đại hội đã được thông qua hoặc trong trường hợp cần thiết khác Chủ tọa có quyền yêu cầu tạm dừng, chấm dứt phát biểu của cổ đông.

3. Chủ tọa có quyền sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký hoặc theo nội dung, tính chất của các ý kiến phát biểu, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Việc giải đáp thắc mắc của cổ đông có thể thực hiện trực tiếp tại Đại hội và/hoặc bằng hình thức trả lời bằng văn bản sau Đại hội và/hoặc hình thức phù hợp khác.

Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

1. Tất cả các vấn đề trong nội dung, chương trình của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết và/hoặc Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu/đại diện, theo hướng dẫn cụ thể của Ban kiểm phiếu. Mỗi cổ đông được cấp 01 (một) Thẻ/Phiếu biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong nội dung, chương trình họp, trong đó có thể ghi mã số cổ đông và/hoặc số thứ tự cổ đông, số cổ phần sở hữu/có quyền biểu quyết của cổ đông và trường hợp cần thiết có thể có mã vạch để kiểm tra thông tin cổ đông qua phần mềm hỗ trợ hoặc thông tin khác.

2. Cách biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết (theo thứ tự: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ Phiếu biểu quyết và/hoặc đánh dấu vào ô tương ứng (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến) của Thẻ biểu quyết, theo hướng dẫn cụ thể của Ban kiểm phiếu.

Ban Kiểm phiếu sẽ thu lại Thẻ/Phiếu biểu quyết các nội dung sau khi đã biểu quyết hết các nội dung cần biểu quyết tại Đại hội.

3. Tỷ lệ biểu quyết thông qua: Căn cứ Điều lệ Công ty, quyết định/nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Đối với một số quyết định khác quy định trong Điều lệ Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 8. Biên bản cuộc họp

Nội dung cuộc họp được lập thành biên bản và được Thư ký ghi vào Biên bản. Biên bản cuộc họp được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

CHƯƠNG III

QUYỀN HẠN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH VÀ CÁC BAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 9. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông có thể là một hoặc nhiều thành viên do Chủ tọa lập/đề cử và được giới thiệu/thông qua tại Đại hội.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông:

2.1. Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc Người được ủy quyền đến dự họp Đại hội: Cổ đông/Người được ủy quyền khi tham dự Đại hội cần mang theo bản gốc: Thông báo mời họp; và CMND/ Thẻ căn cước của người dự họp; và Giấy Đăng ký tham dự/ủy quyền tham dự họp lệ.

2.2. Phát cho cổ đông hoặc Người được ủy quyền đến dự họp Đại hội: Thẻ/Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp cần thiết khác.

2.3. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội.

2.4. Quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 10. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người là thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp.

2. Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch và Chủ tọa:

3.1. Điều khiển Đại hội theo chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua.

3.2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

3.3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3.4. Quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 11. Quyền hạn và nhiệm vụ của Thư ký

1. Thư ký do Đoàn Chủ tịch/Chủ tọa giới thiệu hoặc chỉ định và được giới thiệu/thông qua tại Đại hội.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Thư ký:

2.1. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến chính của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý của Đại hội.

2.2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

2.3. Quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 12. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu có thể là một hoặc nhiều thành viên do Chủ tọa lập/đề cử và được giới thiệu/thông qua tại Đại hội.

2. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

2.1. Hướng dẫn nguyên tắc, thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu thông qua các báo cáo, nghị quyết của Đại hội.

2.2. Tiến hành thu Thẻ/Phiếu biểu quyết; tiến hành kiểm phiếu, xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.

2.3. Nhanh chóng thông báo cho Thư ký kết quả biểu quyết.

2.4. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn từ khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.

2.5. Quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Những vấn đề phát sinh ngoài quy định trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo Điều lệ Công ty hoặc quy định của pháp luật hoặc quyết định của Chủ tọa.
3. Cổ đông, Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu và các đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện các quy định trong Quy chế này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nguyễn Gia Khoa

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2021



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền báo cáo kết quả hoạt động trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị ("HDQT") như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2020

Trong năm 2020, do tình hình dịch bệnh lan rộng trên thế giới nên kéo theo nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng bị ảnh hưởng nặng nề. Mặc dù HDQT Công ty đã có những nỗ lực đáng kể trong việc chỉ đạo Ban điều hành Công ty thu hồi các khoản đầu tư, chấm dứt hoạt động của các chi nhánh hoạt động không hiệu quả nhằm tiết kiệm chi phí... Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2020 không đạt được như kế hoạch đề ra.

Kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % thực hiện so kế hoạch
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	190	13,940	7,3%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,5	(1,041)	
Lợi nhuận sau thuế, trong đó:	Tỷ đồng		(1,119)	
Tỷ lệ cổ tức		-	-	

Tổng doanh thu năm 2020 đạt 13,940 tỷ đồng, đạt 7,3% kế hoạch doanh thu năm 2020 đề ra. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 lỗ 1,119 tỷ đồng, do các nguyên nhân sau:

- Công ty không có kế hoạch chuyển dịch hướng kinh doanh sang lĩnh vực khác trước khi Công ty dừng toàn bộ hoạt động sản xuất mặt hàng chủ lực trong khi đó vẫn phát sinh chi phí khấu hao máy móc thiết bị;
- Công ty không có biện pháp cụ thể để thu hồi các khoản công nợ phải thu và tạm ứng trong khi đó hàng tháng các khoản vay ngân hàng vẫn bị tính lãi vay;

- Không có sự ổn định về mặt nhân sự ở Ban điều hành, HĐQT và ban kiểm soát. Việc chuyển giao công việc giữa các thành viên trong Ban điều hành và HĐQT cũ cho Ban điều hành và HĐQT mới không được thuận lợi. Trên đây là các nguyên nhân chủ yếu khiến Công ty không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.

II. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020

1. Cơ cấu nhân sự của HĐQT tại thời điểm 31/12/2020

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Gia Khoa	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lưu Quang Minh	Thành viên HĐQT
3	Ông Bùi Cảnh Hoàng	Thành viên HĐQT

- Ngày 26/12/2020, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã tiến hành bầu HĐQT do các thành viên HĐQT có đơn từ nhiệm, cụ thể: miễn nhiệm 02 thành viên HĐQT và bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT.

2. Thù lao của thành viên HĐQT.

Năm 2020, các thành viên HĐQT không nhận thù lao do kết quả kinh doanh năm 2020 không đạt kế hoạch.

3. Hoạt động của HĐQT, các cuộc họp và quyết định của HĐQT.

- Năm 2020, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp HĐQT thường kỳ và bất thường đã thông qua nhiều chủ trương quan trọng đối với hoạt động của Công ty. Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT đều tham gia tích cực, trao đổi, đóng góp ý kiến thẳng thắn về các vấn đề liên quan đến nội dung họp. Thông tin các cuộc họp đều được gửi đến Ban kiểm soát để nắm bắt kịp thời.

- Trong năm, HĐQT đã tổ chức 16 cuộc họp, đã ban hành các nghị quyết và quyết định để phục vụ cho việc quản trị và giải quyết những vấn đề quan trọng của hoạt động kinh doanh. Cụ thể thông qua các vấn đề sau:

- Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Thoái vốn tại Công ty Đồng Mô;
- Bán tài sản khu văn phòng tòa nhà SME;
- Chấm dứt hoạt động của các chi nhánh;
- Bổ nhiệm/ miễn nhiệm các chức danh Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng;

- vi. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường;
- vii. Và một số nội dung khác thuộc thẩm quyền HĐQT.

- Các thành viên HĐQT đều chủ động, tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình trong HĐQT, tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ và bất thường, nhiệt tình đóng góp ý kiến góp phần vào việc chỉ đạo, điều hành chung của HĐQT đối với Ban điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Mọi chủ trương của HĐQT luôn được Ban điều hành, đứng đầu là Tổng giám đốc thực hiện nhất quán, nhanh chóng và hiệu quả;

Kết luận: Trong năm 2020, HĐQT đã hoạt động đúng với quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế khác của Công ty. Tuy nhiên, HĐQT chưa định hướng được cho Ban điều hành về việc chuyển đổi lĩnh vực kinh doanh mới và công tác kiện toàn về nhân sự cao cấp chưa hiệu quả.

4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- Chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành và các bộ phận quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và HĐQT;

- Kiểm tra việc duy trì áp dụng Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ đã ban hành;

- Trong công tác tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, HĐQT duy trì việc kiểm tra thường xuyên hoạt động của Ban điều hành. Tất cả các nghị quyết và quyết định của HĐQT đều được Ban điều hành thực hiện nghiêm túc và kịp thời phản ánh, đề xuất HĐQT những vấn đề liên quan để HĐQT đưa ra những quyết sách phù hợp và hiệu quả.

- HĐQT đã chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2020;

- HĐQT thường xuyên giám sát, chỉ đạo hoạt động công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời đúng quy định pháp luật;

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm của HĐQT được quy định tại Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp và theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông;
2. Xây dựng định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021;
3. Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty;

4. Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành có các biện pháp thu hồi công nợ cũ đã tồn đọng từ nhiều năm;
5. Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác sắp xếp, tổ chức kinh doanh, công tác thu hồi công nợ để tạo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như nỗ lực tìm kiếm mở rộng cơ hội đầu tư để chuyển dịch dần sang lĩnh vực bất động sản, kinh doanh thực phẩm.
6. Các vấn đề khác.

Trên đây là Báo cáo của HĐQT, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Gia Khoa

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN



Kính thưa Đoàn Chủ tịch!

Kính thưa quý vị đại biểu!

Kính thưa quý vị cổ đông!

Trong công tác điều hành kinh doanh năm 2020, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền đã bám sát Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020. Sau đây là một số điểm chính về hoạt động kinh doanh trong năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2020.

1. Tình hình chung

Năm 2020 được xem là một năm của những khó khăn và thách thức đối với kinh tế thế giới nói chung, trong đó có Việt Nam. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế- xã hội của các quốc gia trên thế giới, xung đột chính trị và thương mại toàn cầu vẫn tiếp diễn khiến cho nền kinh tế suy thoái nghiêm trọng. Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân, nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng hoạt động. Điều này đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020 đã đề ra của Công ty.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2020, Công ty tạm dừng hoạt động sản xuất các mặt hàng chủ lực (quần áo, bút tất...). Hoạt động kinh doanh chủ yếu trong năm 2020 của công ty là kinh doanh thương mại. Doanh thu năm 2020 đạt 13,9 tỷ đồng, giảm 91,5% so với năm 2019 và chỉ đạt 7,3% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế năm 2020 lỗ 1,119 tỷ đồng, không hoàn thành kế hoạch đề ra. Ngoài nguyên nhân khách quan nói trên, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã không có kế hoạch cụ thể để chuyển hướng kinh doanh sang lĩnh vực khác trước khi dừng toàn bộ hoạt động sản xuất truyền thống, không thu hồi được các khoản nợ phải thu và tạm ứng. Mặt khác, do sự không ổn định về nhân sự cao cấp đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác điều hành Công ty.

2.1 Kết quả kinh doanh (theo báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán).

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	Tăng (+)/ giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	214,536	222,996	-3,79%
Doanh thu thuần	13,941	163,467	-91,47%
Lợi nhuận từ hoạt động KD	0,850	4,810	-82,32%
Lợi nhuận khác	-1,374	1,535	-189,48%
Lợi nhuận trước thuế	-1,041	3,309	-131,47%
Lợi nhuận sau thuế	-1,119	2,470	-145,31%

2.2 So sánh thực hiện với kế hoạch.

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % thực hiện so kế hoạch
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	190	13,940	7,3%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,5	(1,041)	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		(1,119)	
Tỷ lệ cổ tức		-	-	

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2021

1. Đánh giá tình hình chung:

Năm 2021 vẫn được đánh giá là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền nói riêng do ảnh hưởng của đại dịch Covid – 19 trên toàn cầu. Tuy nhiên với trách nhiệm được cổ đông tin tưởng giao phó cũng như những bài học trong công tác quản lý thời gian qua Ban điều hành quyết tâm sát cánh cùng Hội đồng quản trị tìm kiếm các giải pháp mới để đưa công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền từng bước vượt qua những khó khăn trước mắt.

2. Phương hướng và nhiệm vụ kinh doanh năm 2021

2.1 Phương hướng chung

- Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu ngành nghề kinh doanh cho phù hợp với định hướng phát triển Công ty;
- Xem xét việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức, nhân sự cho phù hợp với tình hình phát triển của Công ty;
- Tìm kiếm các cơ hội kinh doanh để từng bước xây dựng, phát triển hoạt động thương mại trong và ngoài nước;

- Tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư với các đối tác tiềm năng trong lĩnh vực bất động sản;
- Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ.

2.2 Kế hoạch kinh doanh năm 2021

Căn cứ tình hình thị trường và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020, trước những dự đoán về nền kinh tế trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đặt ra mục tiêu kế hoạch kinh doanh với các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-4.470.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-4.470.000.000

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua và giao cho Hội đồng quản trị quyết định, thực hiện các công việc cụ thể.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP./.

Nguyễn Gia Khoa



Hà nội, ngày 02 tháng 06 năm 2021



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ của Công ty cổ phần tập đoàn Trường Tiền và Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán- Tư vấn Đất Việt- CN Miền Bắc;
- Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2020.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông các nội dung như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

1. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên ban kiểm soát.

Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty và việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 cụ thể:

- Kiểm tra tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty năm 2020;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính quý/bán niên và báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá tính hợp lý, trung thực của các số liệu tài chính;
- Xem xét, đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị ("HĐQT") trong việc thực hiện Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của công ty, phù hợp với quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Nhìn chung, HĐQT và Ban tổng giám đốc đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ. Từng thành viên ban kiểm soát đã thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, đảm bảo hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát. Ban kiểm soát khẳng định đã hoàn thành chức năng giám sát của mình.

2. Thù lao của Ban kiểm soát năm 2020.

- Các thành viên Ban kiểm soát không nhận thù lao năm 2020.

3. Các cuộc họp và quyết định của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp nhằm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả các mặt hoạt động của Công ty; trình tự ban hành các nghị quyết/ quyết định của HĐQT, ban điều hành... để có các kiến nghị, quyết định trong phạm vi thẩm quyền, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban kiểm soát và kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty;

- HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định đúng trình tự, đúng thẩm quyền, phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công và các quy định của pháp luật cũng như điều lệ Công ty;

- Tuy nhiên, HĐQT chưa có định hướng phát triển cụ thể cho Công ty trước khi dừng hoạt động sản xuất truyền thống và đồng thời cũng chưa có giải pháp phù hợp để chỉ đạo Ban điều hành trong công tác thu hồi các khoản công nợ;

- Trong năm 2020 Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Kết quả hoạt động của Ban tổng giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác

- Ban Tổng giám đốc đã tích cực triển khai các nhiệm vụ, công việc được giao nêu trong nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT;

- Tổng giám đốc đã điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, ban hành kịp thời các quyết định, quy định phục vụ hoạt động quản lý điều hành.

- Ban Tổng giám đốc đã chỉ đạo các phòng ban chấp hành tương đối đầy đủ quy định của Pháp luật, Sở giao dịch chứng khoán về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết.

- Các cán bộ quản lý khác của Công ty đã thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, công việc được giao; chịu sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp từ HĐQT/Ban Tổng giám đốc.

III. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG VÀ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

1. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020:

1.1 Tình hình tài chính của Công ty năm 2020. (ĐVT: VNĐ)

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN		
I. Tài sản ngắn hạn	188.420.287.826	175.839.850.177
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3.263.016.991	692.361.174
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	148.945.985.652	139.391.131.587
3. Hàng tồn kho	36.211.285.183	35.755.457.235
4. Tài sản ngắn hạn khác	-	900.181
II. Tài sản dài hạn	26.115.251.664	47.155.666.740
1. Tài sản cố định	8.570.572.994	10.172.132.894
2. Bất động sản đầu tư	-	2.873.601.139
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.714.285.714	31.714.662.514
4. Tài sản dài hạn khác	830.392.956	2.395.270.193
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	214.535.539.490	222.995.516.917
NGUỒN VỐN		
III. Nợ phải trả	26.145.104.689	33.485.818.349
1. Nợ ngắn hạn	21.303.022.136	28.188.416.966
2. Nợ dài hạn	4.842.082.553	5.297.401.383
IV. Vốn chủ sở hữu	188.390.434.801	189.509.698.568
1. Vốn góp của chủ sở hữu	171.071.640.000	171.071.640.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	1.162.555.858	1.162.555.858
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, trong đó:	16.156.238.943	17.275.502.710
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước</i>	<i>17.275.502.710</i>	<i>14.805.163.679</i>
<i>Lỗ/lợi nhuận kỳ này</i>	<i>(1.119.263.767)</i>	<i>2.470.339.031</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	214.535.539.490	222.995.516.917

1.2 Kết quả kinh doanh năm 2020.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện so kế hoạch
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	190	13,940	7,3%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,5	(1,041)	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		(1,119)	

1.3 Nhận xét, đánh giá:

- Năm 2020, Công ty không hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra, do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Công ty không có kế hoạch cụ thể trong việc chuyển dịch cơ cấu ngành nghề kinh doanh trước khi dừng toàn bộ hoạt động sản xuất truyền thống, trong khi đó vẫn phát sinh các chi phí khấu hao máy móc, công cụ.
 - Không có biện pháp cụ thể trong việc thu hồi các khoản phải thu, cho vay và tạm ứng.
- Đối với báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty: Công ty TNHH kiểm toán-Tư vấn Đất Việt từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán do Công ty kiểm toán không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán về kiểm kê hàng tồn kho, xác nhận số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả, đồng thời nghi ngờ về hiệu quả sử dụng vốn và tính liên tục trong hoạt động của Công ty, nguyên nhân chính là do:

- Quá trình bàn giao công việc của Ban điều hành và Hội đồng quản trị cũ cho Ban điều hành và Hội đồng quản trị mới không đầy đủ, cụ thể nên việc tiếp quản lại công việc rất khó khăn, Ban điều hành mới cũng không được trực tiếp tham gia kiểm kê hàng hóa, vật tư tồn kho cũng như các số liệu khác. Chính vì vậy thời điểm 31/12/2020, số dư hàng tồn kho, công nợ phải thu phải trả không thu thập được xác nhận của đối tác khách hàng. Tại thời điểm 31/12/2020, tổng khoản phải thu cho vay và các khoản phải thu khác có giá trị là 122.946.991.000 VND, đã quá 1/2 so với tổng vốn chủ sở hữu của Công ty (214.535.539.490 VND), dẫn đến yếu tố nghi ngờ về hiệu quả sử dụng vốn cho các hoạt động của Công ty
- Mặt khác công ty đã tạm dừng các hoạt động sản xuất bất tất, quần áo... đồng thời do công ty chưa thu hồi được các khoản nợ cũ nên chưa triển khai thêm được hoạt động kinh doanh mới dẫn đến việc kiểm toán đưa ra ý kiến không thể xác định được khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Đối với các vấn đề này, Công ty đã có giải trình cụ thể với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đăng công khai trên trang Web của Công ty.

2. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

2.1. Đánh giá việc thực hiện.

- Công tác điều hành hoạt động của Công ty đã thực hiện đúng theo Điều lệ, các quy chế và quy định của Công ty, tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020; Tuy nhiên, riêng kế hoạch kinh doanh năm 2020 không hoàn thành do các nguyên nhân đã được phân tích tại mục III, 1.3 của báo cáo này.

- Đã sửa đổi Điều lệ Công ty theo phê chuẩn của ĐHĐCĐ thường niên 2020.

2.2. Kiến nghị.

- Tăng cường các biện pháp, nỗ lực thu hồi các khoản công nợ phải thu nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh;

- Kiến nghị Công ty củng cố, đào tạo và hoàn thiện bộ máy nhân sự có chuyên môn, trình độ cao để đáp ứng kịp thời với sự phát triển của công ty;

- Chú trọng công tác hoàn thiện hệ thống chính sách, quy chế và quy định để đáp ứng yêu cầu thực tế của Công ty;

- HĐQT và Ban tổng giám đốc kịp thời đưa ra chính sách đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và tuân thủ các quy định trong hoạt động kinh doanh.

3. Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông

HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty đã cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát; hỗ trợ và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng của mình. Các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với một số lĩnh vực hoạt động, quản trị, điều hành của Công ty đã được HĐQT, Ban Tổng giám đốc tiếp nhận và xử lý kịp thời.

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát đầy đủ các hoạt động của Công ty, giúp các cổ đông kiểm soát các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong phạm vi thẩm quyền.

V. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021.

1. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thay mặt các cổ đông thực thi chức năng kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty; kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp, tính minh bạch, cân trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

2. Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Công ty về: Tình hình tài chính, kinh doanh, thực hiện các dự án đầu tư, công tác quản lý về tổ chức, lao động, tiền lương và các chế độ khác liên quan đến Công ty và người lao động;

3. Sửa đổi và ban hành quy chế hoạt động Ban kiểm soát dựa trên tham chiếu mẫu Quy chế tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC;

4. Xem xét các Báo cáo tài chính Quý của Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét và Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

5. Kiểm soát công tác tổ chức, thực hiện các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc định kỳ 6 tháng một lần.

6. Các vấn đề khác.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP./.

Phạm Thị Thu Hoài

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

-----***-----

Số:/2021/TTr-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền.

Để đáp ứng yêu cầu kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 và soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021 theo quy định, Ban kiểm soát ("BKS") Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc:

- Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn một trong các đơn vị kiểm toán trong danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để tiến hành kiểm toán và soát xét các báo cáo tài chính của Công ty theo đúng luật định .
- Giao cho Tổng giám đốc thương thảo các nội dung, ký hợp đồng với đơn vị kiểm toán đã được lựa chọn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP.

Phạm Thị Thu Hoài

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán)



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán- Tư vấn Đất Việt- CN Miền Bắc.

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Một số thông tin tóm tắt về BCTC năm 2020 đã được kiểm toán như sau:

1. Bảng cân đối kế toán.

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. Tài sản ngắn hạn	188.420.287.826	175.839.850.177
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.263.016.991	692.361.174
Các khoản phải thu ngắn hạn	148.945.985.652	139.391.131.587
Hàng tồn kho	36.211.285.183	35.755.457.235
Tài sản ngắn hạn khác	-	900.181
B. Tài sản dài hạn	26.115.251.664	47.155.666.740
Tài sản cố định	8.570.572.994	10.172.132.894
Bất động sản đầu tư	-	2.873.601.139
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.714.285.714	31.714.662.514
Tài sản dài hạn khác	830.392.956	2.395.270.193
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (A+B)	214.535.539.490	222.995.516.917
C. Nợ phải trả	26.145.104.689	33.485.818.349
Nợ ngắn hạn	21.303.022.136	28.188.416.966
Nợ dài hạn	4.842.082.553	5.297.401.383
D. Vốn chủ sở hữu	188.390.434.801	189.509.698.568
Vốn điều lệ (Vốn góp của chủ sở hữu)	171.071.640.000	171.071.640.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.162.555.858	1.162.555.858
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, trong đó:	16.156.238.943	17.275.502.710
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước</i>	<i>17.275.502.710</i>	<i>14.805.163.679</i>
<i>Lỗ/lợi nhuận kỳ này</i>	<i>(1.119.263.767)</i>	<i>2.470.339.031</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (C+D)	214.535.539.490	222.995.516.917

2. Kết quả kinh doanh.

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.940.628.875	163.466.846.302
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	850.403.434	4.809.890.076
Doanh thu hoạt động tài chính	3.862.112.051	2.922.320.146
Chi phí tài chính	1.634.649.946	2.282.469.769
Chi phí bán hàng	-	166.085.646
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.745.577.897	2.861.390.345
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	332.287.642	2.422.264.462
Lợi nhuận khác	(1.373.508.372)	886.554.330
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.041.220.730)	3.308.818.792
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(1.119.263.767)	2.470.339.031
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(65)	144

Toàn bộ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được đăng tải đầy đủ trên Website của Công ty tại địa chỉ: www.truongtiengroup.com.vn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Gia Khoa

TỜ TRÌNH



(V) Thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền;
- Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty.

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua việc thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh, cụ thể như sau:

1. Thay đổi tên Công ty

Lý do thay đổi: Nhằm tạo thuận lợi cho quá trình kết nối với các đối tác, khách hàng trong giai đoạn tiếp theo, cũng như tăng cường tính liên kết hệ thống và góp phần nhận diện thương hiệu của Công ty. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc thay đổi tên Công ty, cụ thể:

- Tên Công ty hiện tại:

Tên Công ty viết bằng tiếng việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Truong tien Group joint stock Company

Tên Công ty viết tắt: Truongtiengroup.,JSC

- Tên Công ty dự kiến thay đổi:

Tên Công ty viết bằng tiếng việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn MPT

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MPT Group joint stock Company.

Tên viết tắt: MPTgroup

Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định thời điểm thực hiện và thay mặt ĐHĐCĐ ban hành Quyết định thay đổi tên Công ty vào thời điểm phù hợp nhưng không muộn hơn 12 tháng kể từ ngày tờ trình này được thông qua; quyết định điều chỉnh các nội dung liên quan trong quá trình thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi tên Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật trong đặt tên Doanh nghiệp (nếu có). Giao Người đại diện theo pháp luật tổ chức thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi tên với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và sửa đổi điều lệ Công ty theo quy định.

2. Bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Lý do bổ sung: Nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú
01	Bán buôn thực phẩm Chi tiết - Bán buôn chè; - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; - Bán buôn thủy sản; - Bán buôn rau quả; - Bán buôn cà phê; - Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng; - Bán buôn dầu, mỡ động thực vật; - Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác;	4632	
02	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường; Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác	4659	
03	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.	4711	
04	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719	
05	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723	
06	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010	
07	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110	
08	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130	
09	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211	
10	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891	
11	Khai thác và thu gom than bùn	0892	
12	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899	
13	Quản lý khai thác tòa nhà		

HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và ủy quyền cho Người đại diện trước pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và sửa đổi Điều lệ Công ty theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Gia Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

-----***-----

Số:/2021/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2021



TỜ TRÌNH

(V/v Sửa đổi Điều lệ Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền;

Để đảm bảo việc tổ chức và hoạt động của Công ty tuân thủ đúng pháp luật và quy định hiện hành, tăng cường tính minh bạch, hiệu quả, chuyên nghiệp trong hoạt động quản trị và phù hợp với các quy định của cơ quan quản lý, Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi Điều lệ của công ty với các nội dung sau:

1. Thông qua việc sửa đổi toàn văn Điều lệ Công ty (Dự thảo Điều lệ kèm theo);
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện/hoàn thiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ trong trường hợp: quy định của pháp luật có sự thay đổi/khác so với quy định trong Điều lệ Công ty và/hoặc theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và/hoặc theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP.

Nguyễn Gia Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

Số:/2021/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền;

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Dự thảo nội dung Quy chế kèm theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP.

Nguyễn Gia Khoa

Số:/2021/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị



Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiên,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiên;
- Căn cứ tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để đảm bảo tính chủ động trong việc quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo kịp thời đáp ứng các nhu cầu hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiên kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

1. Ủy quyền cho HĐQT:

- 1.1 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- 1.2 Chấp thuận/thông qua giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này, với cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ, với Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp có giá trị lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác.

1.3 Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

1.4 Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà Công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh;

1.5 Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

2. Việc ủy quyền có thời hạn một năm kể từ ngày phê duyệt hoặc khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Gia Khoa

DỰ THẢO

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../2021/TTHĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021



TỜ TRÌNH

V/v Miễn nhiệm và Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (Nhiệm kỳ 2019-2024)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiên

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiên;
- Căn cứ đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông Bùi Cảnh Hoàng.

Hội đồng quản trị ("HDQT") Công ty CP Tập đoàn Trường Tiên báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông một số nội dung như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị.

- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HDQT đối với ông Bùi Cảnh Hoàng
- Lý do miễn nhiệm: Ông Bùi Cảnh Hoàng có đơn từ nhiệm

2. Thông qua bầu bổ sung 01 Thành viên HDQT (nhiệm kỳ 2019-2024).

- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên HDQT để thay thế 01 Thành viên miễn nhiệm.
- Thông qua danh sách Ứng cử viên đề cử bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị theo thông tin lý lịch trích ngang được đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HDQT, BKS;
- Lưu VP.

Nguyễn Gia Khoa

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**QUY CHẾ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HĐQT¹**

(NHIỆM KỲ 2019 – 2024)

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiên.

2. Quy định về bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị**2.1. Phương thức bầu cử:**

- Bầu cử bằng bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu. Cổ đông có quyền:
 - + Dồn Tổng số phiếu bầu của mình cho 01 Ứng cử viên; hoặc
 - + Phân chia phiếu bầu cho một số Ứng cử viên. Trường hợp này thì số lượng phiếu bầu cho mỗi Ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc
 - + Chỉ bầu một phần trong Tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số Ứng cử viên; số phiếu bầu còn lại có thể không bầu cho bất kỳ Ứng cử viên nào.
- Mỗi cổ đông được phát một (01) tờ Thẻ bầu cử thành viên HĐQT (“Thẻ bầu cử”), trong đó có thông tin Tổng số phiếu bầu. **Tổng số phiếu bầu** (Tổng số phiếu bầu được phép) bằng (=) **Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết sở hữu và đại diện nhân** (x) **01** (số lượng thành viên HĐQT bầu trong Đại hội)
- Cách thức ghi Thẻ bầu cử:
 - + Cổ đông bầu cho Ứng cử viên nào thì viết số lượng phiếu cụ thể cho Ứng cử viên đó vào cột “Số phiếu bầu”;
 - + Nếu cổ đông không bầu cho một hoặc một số Ứng cử viên thì để trống hoặc gạch chéo hoặc điền số “0” vào cột “Số phiếu bầu”;
 - + Số lượng Ứng cử viên được bầu (được ghi số lượng phiếu cụ thể) tối đa bằng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: là 01 Ứng cử viên.
 - + **Tổng số phiếu bầu cho các Ứng cử viên** trên mỗi tờ **Thẻ bầu cử** không lớn hơn **Tổng số phiếu bầu** (Tổng số phiếu bầu được phép) tức là phải nhỏ hơn hoặc bằng **Tổng số phiếu bầu** (Tổng số phiếu bầu được phép).
- Trường hợp cổ đông trong quá trình ghi Thẻ bầu cử bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào hòm phiếu, thì được quyền trực tiếp gặp Trưởng Ban Kiểm phiếu để đổi lại Thẻ bầu cử nhằm đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

¹ Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung phù hợp và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định tại Đại hội.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách các Ứng cử viên, Quy chế bầu cử hoặc từ khi có thông báo của Trưởng Ban Kiểm phiếu; kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ Thẻ bầu cử vào thùng phiếu hoặc ngay sau khi Chủ tọa hỏi Đại hội về việc còn cổ đông nào chưa bỏ phiếu mà không có cổ đông nào có ý kiến;

2.2. Thẻ bầu cử không hợp lệ trong các trường hợp:

- Thẻ bầu cử không phải là phiếu do Ban tổ chức Đại hội phát; và/hoặc
- Thẻ bầu cử không có dấu treo kiểm soát tài liệu của Ban tổ chức Đại hội; và/hoặc
- Thẻ bầu cử rách, gach, tẩy, xóa, sửa chữa, ghi thêm ứng viên không thuộc danh sách ứng viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; và/hoặc
- Ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu; và/hoặc
- Thẻ bầu cử có Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên vượt quá Tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó; và/hoặc
- Bầu cho tổng số Ứng cử viên vượt quá số lượng thành viên HĐQT được bầu bổ sung; và/hoặc
- Thẻ bầu cử không có chữ ký của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền; và/hoặc
- Thẻ bầu cử nộp cho Ban kiểm phiếu sau khi việc/thời gian bỏ phiếu kết thúc và/hoặc hòm phiếu đã được niêm phong; và/hoặc
- Thẻ bầu cử không ghi bất kỳ số lượng phiếu cụ thể trong cột “Số Phiếu bầu”.

2.3. Kiểm phiếu:

2.3.1. Quy định việc kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu trong 01 phòng riêng hoặc khu vực riêng;
- Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;
- Ban Kiểm phiếu có thể tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của đại diện cổ đông;
- Ban Kiểm phiếu kiểm tra tính hợp lệ của các Thẻ bầu cử và tiến hành kiểm phiếu;
- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu lập Biên bản kiểm phiếu bầu cử và kết quả kiểm phiếu được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

2.3.2. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu lập Biên bản kết quả kiểm phiếu;
- Nội dung Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - + Thời gian, địa điểm tiến hành việc kiểm phiếu;
 - + Thành phần Ban kiểm phiếu;
 - + Tổng số cổ đông tham gia dự họp;
 - + Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu;
 - + Số và tỷ lệ Thẻ bầu cử hợp lệ, không hợp lệ;
 - + Số và tỷ lệ số phiếu bầu cho từng ứng viên được bầu bổ sung;

3. Nguyên tắc lựa chọn các ứng cử viên trúng cử vào HĐQT

- 3.1 Các ứng cử viên trúng cử bầu bổ sung vào HĐQT là 01 ứng cử viên HĐQT có số phiếu bầu cao nhất, tính từ cao đến thấp.
- 3.2 Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên HĐQT do có nhiều Ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ ưu tiên lựa chọn người sở hữu số cổ phần trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền cao hơn. Trường hợp các ứng viên đều không sở hữu cổ phần hoặc số cổ phần của các ứng viên này bằng nhau thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại trong số các Ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau này. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.
- 3.3 Các vấn đề phát sinh Chủ tọa sẽ xin ý kiến cổ đông trực tiếp tại Đại hội.

4. Hiệu lực thi hành

- 4.1 Quy chế này được công bố công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của toàn thể cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.
- 4.2 Những khiếu nại (nếu có) liên quan tới việc bầu cử sẽ do Chủ tọa giải quyết
- 4.3 Quy chế này sẽ có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Gia Khoa



Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2021



QUY ĐỊNH

VỀ VIỆC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(NHIỆM KỲ 2019 – 2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền;

Hội đồng quản trị Công ty xin thông báo tới các cổ đông chi tiết về việc ứng cử, đề cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) nhiệm kỳ 2019 – 2024 như sau:

I. Số lượng thành viên HDQT bầu bổ sung: 01 (một) thành viên.

II. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HDQT (Theo khoản 1, Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty
3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng không được đồng thời là thành viên HDQT tại quá 05 công ty khác;
4. Các tiêu chuẩn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
5. Đảm bảo tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

III. Ứng cử, đề cử ứng viên HDQT

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết hoặc trường hợp khác, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.

IV. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu vào HĐQT

- Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu bổ sung vào HĐQT bao gồm:
 - 1) Đơn ứng cử/ Đơn đề cử tham gia HĐQT;
 - 2) Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có dán ảnh và có xác nhận theo quy định;
 - 3) Bản sao công chứng/chứng thực: Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân; Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn); Hộ chiếu nếu là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài; và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.
 - 4) Giấy ủy quyền đề cử hợp lệ (nếu cổ đông ủy quyền cho người khác đề cử).
 - 5) Giấy xác nhận sở hữu chứng khoán của cổ đông
- Đơn ứng cử/ Đơn đề cử tham gia HĐQT và Sơ yếu lý lịch mẫu được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ www.truongtiengroup.com.vn.

V. Lựa chọn các ứng cử viên

Ban Tổ chức sẽ lập danh sách các ứng viên HĐQT đáp ứng đủ điều kiện như quy định để bầu vào HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung vào HĐQT phải gửi hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử đến Ban tổ chức Đại hội trước 17h00 ngày 24/6/2021 về địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền

Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Trung Yên 1, KĐT Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 0978998254

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Gia Khoa



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ⁽¹⁾

**ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
NHIỆM KỲ 2019-2024**

**Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN**

Chúng tôi, các cổ đông:

STT	Tên cổ đông	CMND/Hộ chiếu/ ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %/Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty
Cộng				

nhất trí đề cử các Ông/Bà sau làm ứng cử viên bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị Công ty trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

1. Ông(Bà)
2. Ông(Bà)
3. Ông(Bà)

Đính kèm theo đây là Sơ yếu lý lịch và các tài liệu liên quan của những người được đề cử trên.

Chúng tôi cam kết Ông/Bàđáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

Chúng tôi cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố; tuân thủ đúng các quy định về đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và quy chế, Điều lệ của Công ty cũng như quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết việc đề cử trên là hoàn toàn tự nguyện và chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

....., ngày tháng năm 2021

(CÁC) CỔ ĐÔNG

(từng người ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu là tổ chức)

⁽¹⁾ Đơn đề cử này phải được gửi cùng với tài liệu liên quan người được đề cử về cho Ban tổ chức Đại hội trước 17h00 ngày 24/6/2021, Phòng Tổ chức Hành chính, Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền, Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Trung Yên 1, KĐT Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội., Tel: 0978998254, Email: mpt397979@gmail.com



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ⁽¹⁾

THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN (MPT) NHIỆM KỲ 2019-2024

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

Tôi tên là:

CMTND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp: .../.../.....

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

*(Chi tiết Sơ yếu lý lịch/Lý lịch trích ngang và tài liệu liên quan đến hồ sơ ứng cử
được gửi kèm Đơn ứng cử này)*

Số cổ phần sở hữu tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp:
..... cổ phần (Bằng chữ:.....); tương
ứng với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Tập đoàn
Trường Tiền. Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công
ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền cho tôi được đăng ký tham gia ứng cử bầu bổ sung
vào Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019-2024.

Tôi xin cam kết về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân
được công bố; cam kết đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự
phát triển của Công ty và thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm
thành viên Hội đồng quản trị; cam kết tuân thủ đúng các quy định về ứng cử thành viên
HĐQT và quy chế, Điều lệ của Công ty cũng như quy định của pháp luật.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾ Đơn ứng cử này gửi cùng với tài liệu liên quan người được đề cử về cho Ban tổ chức Đại hội trước 17h00 ngày 24/6/2021, Phòng Tổ chức Hành chính, Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền, Địa chỉ: Tầng 2 tòa nhà Trung Yên 1, KĐT Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội., Tel: 0978998254, Email: mpt397979@gmail.com

4x6cm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên: Giới tính:
2. Ngày sinh:
3. Nơi sinh:
4. Quốc tịch:
5. Số CCCD/CMND/Hộ chiếu:, ngày cấp....., nơi cấp
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
7. Địa chỉ liên lạc:
8. Điện thoại:.....
9. Trình độ văn hóa:.....Trình độ chuyên môn:
10. Quá trình đào tạo:

Thời gian	Trường/Trung tâm đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ

11. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật

12. Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại các Công ty/ tổ chức khác:.....

13. Quan hệ gia đình: Bao gồm vợ, chồng, cha mẹ ruột, cha mẹ nuôi, con ruột, con nuôi, anh chị em ruột

STT	Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh	Nghề nghiệp, đơn vị làm việc

14. Hành vi vi phạm pháp luật:.....

15. Lợi ích có liên quan đến Công ty và các bên liên quan của Công ty:.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước Công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

**Xác nhận của cơ quan/tổ chức đang làm
việc, hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân
cấp có thẩm quyền.**

Ngày..... tháng năm 2021

Người khai

(ký và ghi rõ họ tên)

STT	Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh	Nghề nghiệp, đơn vị làm việc

STT	Họ và tên	Quan hệ	Năm sinh	Nghề nghiệp, đơn vị làm việc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN**

Trụ sở: Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện
Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 15/01/2008

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

Số:/2021/BB-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

A. PHẦN THỦ TỤC.

I. Thời gian, địa điểm.

1. Thời gian: 08 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 6 năm 2021.
2. Địa điểm: Hội trường lớn MBLand Tầng 4, tháp A, Tòa Keangnam, đường Dương Đình Nghệ, Hà Nội.

II. Thành phần tham dự.

1. Các cổ đông của Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền theo danh sách chốt ngày 28/05/2021.
2. Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban điều hành Công ty:
 - Ông Nguyễn Gia Khoa Chủ tịch HĐQT
 - Ông Lưu Quang Minh Thành viên HĐQT
 - Ông Hoàng Việt Lân Tổng giám đốc
3. Ban kiểm soát Công ty:
 - Bà Phạm Thị Thu Hoài Trưởng ban BKS
 - Ông Nguyễn Bá Thắng Thành viên BKS
 - Ông Cao Tiến Thành Thành viên BKS
4. Khách mời khác.

III. Kiểm tra tư cách cổ đông.

1. Giới thiệu Ban kiểm tra tư cách cổ đông, gồm:

- Ông/ bà Trưởng ban
- Ông/bà Thành viên
- Ông/bà Thành viên

2. Thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ông/bà..... - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tại phiên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền:

- Tổng số cổ đông tham dự Đại hội trực tiếp và thông qua người được ủy quyền hợp lệ:cổ đông; đại diện cho: cổ phần; chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều lệ của Công ty thì với thành phần tham dự như trên Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền đủ điều kiện tiến hành.

IV. Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch gồm:

- Ông Nguyễn Gia Khoa - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa
- Ông Lưu Quang Minh - Thành viên HĐQT
- Ông Hoàng Việt Lân - Thành viên HĐQT

V. Giới thiệu và thông qua Thư ký gồm:

- Ông/bà

VI. Giới thiệu và thông qua Ban Kiểm phiếu gồm:

- Ông/bà - Trưởng ban
- Ông/bà - Thành viên

Đại hội thông qua từng vấn đề trên, gồm: Đoàn Chủ tịch, Thư ký, Ban kiểm phiếu với tỷ lệ biểu quyết 100% tán thành.

VII. Thông qua Chương trình làm việc và Quy chế làm việc tại Đại hội

Chương trình làm việc và Quy chế làm việc tại Đại hội được trình bày tại Đại hội và biểu quyết thông qua với tỷ lệ biểu quyết 100% tán thành.

B. TÓM TẮT DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI

I. Trình bày các báo cáo, tờ trình tại Đại hội

1. Ông Nguyễn Gia Khoa- Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị;
2. Ông Lưu Quang Minh – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc trình bày Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty;
3. Bà Phạm Thị Thu Hoài- Trưởng ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát và Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021;
4. Hội đồng quản trị trình bày các tờ trình:
 - Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán;
 - Tờ trình thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh;

- Tờ trình sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của ban kiểm soát
- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT;
- Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2019-2024); Quy chế bầu cử; Danh sách các ứng cử viên.

Theo nội dung Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày .../6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc:

- + Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị có trong Danh sách Ứng cử viên là Ông/ bà để thay thế 01 thành viên miễn nhiệm là ông Bùi Cảnh Hoàng;
- Đại hội biểu quyết thông qua Danh sách Ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị với tỷ lệ biểu quyết 100% tán thành.
- Đại hội thống nhất:
 - + Thông qua nội dung Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024 ;
 - + Đại hội thống nhất với tỷ lệ biểu quyết 100% tán thành.

II. Thảo luận: Đại hội thảo luận, phát biểu ý kiến, đặt câu hỏi cho Hội đồng quản trị, Ban điều hành. Đại hội đã tiến hành thảo luận công khai dân chủ. Đại hội đã thống nhất các nội dung trả lời của Hội đồng quản trị và Ban điều hành tại Đại hội và không có ý kiến khác.

III. Biểu quyết thông qua các nội dung.

Sau khi được hướng dẫn cách thức bầu cử, biểu quyết; các cổ đông đã tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung của Đại hội và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024.

Ban Kiểm phiếu làm nhiệm vụ kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu và báo cáo kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và biểu quyết các nội dung được thông qua tại Đại hội.

C. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THÔNG QUA.

1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (theo nội dung Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Tỷ lệ biểu quyết:

TT	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết (phiếu)	Chiếm tỷ lệ % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (%)
1	Tán thành		

2	Không Tán thành		
3	Không có ý kiến		

2. **Thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty** (chi tiết theo nội dung Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Tỷ lệ biểu quyết:

TT	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết (phiếu)	Chiếm tỷ lệ % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (%)
1	Tán thành		
2	Không Tán thành		
3	Không có ý kiến		

3. **Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát** (chi tiết theo nội dung Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Tỷ lệ biểu quyết:

TT	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết (phiếu)	Chiếm tỷ lệ % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (%)
1	Tán thành		
2	Không Tán thành		
3	Không có ý kiến		

4. **Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số/2021/TTr-BKS ngày 02/6/2021 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền)

Tỷ lệ biểu quyết:

TT	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết (phiếu)	Chiếm tỷ lệ % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (%)
1	Tán thành		
2	Không Tán thành		
3	Không có ý kiến		

5. **Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).

Tỷ lệ biểu quyết:

TT	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết (phiếu)	Chiếm tỷ lệ % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (%)
1	Tán thành		
2	Không tán thành		
3	Không có ý kiến		

6. **Thông qua thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).

Tỷ lệ biểu quyết:

TT	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết (phiếu)	Chiếm tỷ lệ % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (%)
1	Tán thành		
2	Không tán thành		
3	Không có ý kiến		

7. **Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).

Tỷ lệ biểu quyết:

TT	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết (phiếu)	Chiếm tỷ lệ % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (%)
1	Tán thành		
2	Không tán thành		
3	Không có ý kiến		

8. **Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy chế hoạt động của ban kiểm soát** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày 02 /6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).

Tỷ lệ biểu quyết:

TT	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết (phiếu)	Chiếm tỷ lệ % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (%)
1	Tán thành		
2	Không tán thành		
3	Không có ý kiến		

9. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị (chi tiết theo nội dung Tờ trình số/TTr-HĐQT/2021 ngày 02/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).

Tỷ lệ biểu quyết:

TT	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết (phiếu)	Chiếm tỷ lệ % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (%)
1	Tán thành		
2	Không tán thành		
3	Không có ý kiến		

10. Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024 (chi tiết theo nội dung Tờ trình số/TTr-HĐQT/2021 ngày / /2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).

Tỷ lệ biểu quyết:

TT	Biểu quyết	Số phiếu biểu quyết (phiếu)	Chiếm tỷ lệ % tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp (%)
1	Tán thành		
2	Không tán thành		
3	Không có ý kiến		

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Bùi Cảnh Hoàng; Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông/bà

Kết quả bầu cử:

TT	Họ tên	Số phiếu bầu (phiếu)	Chiếm tỷ lệ % Số phiếu bầu (%)
1		

Căn cứ kết quả kiểm phiếu, quy chế bầu cử đã được thông qua, Ông/bà..... đã trúng cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền

Biên bản này được Thư ký Đại hội ghi lại trung thực, chính xác và được lập bằng tiếng Việt. Nội dung Biên bản này được đọc trước toàn thể Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn trước khi kết thúc phiên họp với tỷ lệ biểu quyết 100% tán thành.

Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội vào lúc ... giờ phút cùng ngày./.

THƯ KÝ

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nguyễn Thị Hải Yến

Nguyễn Gia Khoa

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- Website Công ty;
- Lưu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN**

Trụ sở: Cụm công nghiệp Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số doanh nghiệp: 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 15/01/2008

Số:/2021/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền số 01/2021/BB- ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2021;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày / /2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

- 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị** (theo nội dung Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021).
- 2. Thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty** (chi tiết theo nội dung Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021).
- 3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát** (chi tiết theo nội dung Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021).
- 4. Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số .../2021/TTr-BKS ngày 02/6/2021 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).
- 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).
- 6. Thông qua Thông qua thay đổi tên Công ty và bổ sung ngành nghề kinh doanh** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).
- 7. Thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số .../2021/TTr-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).

- 8. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy chế hoạt động của ban kiểm soát** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày 02/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền)
- 9. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số/TTr-HĐQT/2021 ngày 02/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).
- 10. Thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019-2024** (chi tiết theo nội dung Tờ trình số 08/TTr-HĐQT/2021 ngày / /2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền).

Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Bùi Cảnh Hoàng; Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông/Bà.....

Điều 2.

Nghị quyết này được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua.

Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các đơn vị trực thuộc, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBCKNN, Sở GDCKHN;
- Website Công ty;
- Lưu.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Gia Khoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

Điều 14. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 17. Thay đổi các quyền

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Điều 34. Người điều hành Công ty

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

IX. BAN KIỂM SOÁT TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

Điều 48. Năm tài chính

Điều 49. Chế độ kế toán

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

Điều 51. Báo cáo thường niên

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

Điều 55. Gia hạn hoạt động

Điều 56. Thanh lý

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

PHỤ LỤC 01. NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số /2021/NQ-DHĐCĐ ngày tháng năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) *Người điều hành* là Tổng giám đốc và người điều hành khác trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị;

h) *Người điều hành khác* là người điều hành trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị gồm có Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

i) *Người quản lý* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị;

k) *Người quản lý khác* là người quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị gồm có Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

l) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

n) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

p) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

q) *Công ty hay công ty* là Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TRƯỜNG TIỀN
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG TIEN GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: TRUONGTIEN GROUP.,JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Trường An, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Điện thoại: 0978998254

- Fax:

- E-mail: info@truongtiengroup.com.vn

- Website: truongtiengroup.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Khoản 2 Điều 54 Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này, Quy chế Nội bộ về Quản trị Công ty và quy định của pháp luật.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty: chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Điều lệ này.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất;

- Công ty không ngừng tổ chức và phát triển các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đa ngành nghề nhằm thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động;
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước trên cơ sở minh bạch trong kinh doanh;
- Tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng, đảm bảo phát triển theo hướng hội nhập quốc tế.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia, theo quy định của pháp luật.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ này là **171.071.640.000 đồng** (Bằng chữ: *Một trăm bảy mươi một tỷ, không trăm bảy mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **17.107.164 cổ phần** với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nộp

đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu chưa lưu ký bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Đối với cổ phiếu đã lưu ký, việc cấp chứng nhận sở hữu cổ phiếu trong mọi trường hợp thực hiện theo quy định của tổ chức lưu ký và bù trừ chứng khoán và quy định của pháp luật.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty và các tài liệu đã được Công ty công bố thông tin theo quy định pháp luật;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp, chữ ký xác nhận của (các) cổ đông;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp

nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước, chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử và các hình thức khác theo quy định pháp luật;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng các phương tiện khác, hình thức khác đến được Người phụ trách quản trị Công ty hoặc theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Điều 14. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm

tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp hoặc văn ủy quyền có thể được cổ đông gửi tới Công ty hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông bằng phương thức gửi thư, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó, trừ trường hợp Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông có quy định khác. Thẻ biểu quyết nêu trên có thể được mã hóa để phục vụ cho việc kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền

đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc thông qua một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia,

thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 7 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua họp trực tiếp hoặc thông qua họp trực tuyến hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật, thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quyết định của Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm. Khi họp trực tuyến, Công ty đảm bảo cổ đông có thể tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- e) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 1 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi

từ) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tài liệu khác theo quy định, các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án

hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

2. Trong trường hợp nêu tại Khoản 1 Điều này, các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc pháp luật có quy định khác.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa là 11 (mười một) người được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Đại hội đồng cổ đông quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định hoặc ủy quyền. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật hoặc được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó;

Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty và/hoặc phân cấp, giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc quyết định; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và các vấn đề liên quan; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác và cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn ở những doanh nghiệp này, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty và các quy chế khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

r) Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ công ty và được Đại hội đồng cổ đông quy định hoặc ủy quyền.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 175 Luật Doanh nghiệp. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyết định, ký kết các văn bản, hợp đồng, giao dịch theo Điều lệ, quy chế nội bộ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp

xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và/hoặc cổ đông.

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, tin nhắn điện tử, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được một trong các địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận

nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng tin nhắn điện tử, phương tiện khác đảm bảo đến được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó một số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên Hội đồng quản trị tham gia có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác nếu được đa số thành viên dự họp tán thành và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp.

14. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:

Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:

- a) Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị; và
- b) Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản

trị và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và lập ra Biên bản kiểm phiếu;

d) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua.

Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.

15. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế của Hội đồng quản trị thì biên bản này có hiệu lực.

16. Các Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị được 100% số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm (bất kể tham dự trực tiếp, thông qua cuộc họp hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức khác) và ủy quyền tham dự tán thành là hợp lệ và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp, thông qua nghị quyết, quyết định đó không thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc và người quản lý khác trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc và người điều hành khác trong Công ty thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà

không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyết định, ký kết các văn đề, hợp đồng, giao dịch trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, quy chế nội bộ Công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

j) Được ủy quyền hoặc giao cho cấp dưới hay người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Hội đồng quản trị về việc giao, ủy quyền đó;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, quy chế nội bộ Công ty và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

6. Tổng giám đốc được ủy quyền hoặc giao cho Phó Tổng giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế quản trị nội bộ Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung

thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Điều lệ này, trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 03 (ba) tháng trước khi thay đổi thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc thay đổi thời hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được thay đổi khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 (một) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông

tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Mục, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền nhất trí thông qua ngày tháng năm 2021 tại trụ sở Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

HOÀNG VIỆT LÂN

PHỤ LỤC 01
NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
	(Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)	
1.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
2.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
3.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
4.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
5.	In ấn	1811
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
7.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
8.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
9.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện chi tiết: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ	1629
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn các máy móc, thiết bị ngành dệt	4659
11.	Bán buôn tổng hợp	4690
12.	Chuẩn bị mặt bằng chi tiết: San lấp mặt bằng;	4312
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
14.	Bán buôn thực phẩm chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
15.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
16.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
17.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
18.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
19.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh chi tiết: Sản xuất các sản phẩm nhựa	2013
20.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
21.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
22.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
23.	Sản xuất sợi	1311
24.	Khai thác quặng sắt	0710
25.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
27.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
29.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
30.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
31.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
32.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
33.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
34.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
35.	Xây dựng nhà để ở	4101
36.	Xây dựng nhà không để ở	4102
37.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
38.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
39.	Xây dựng công trình điện	4221
40.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
41.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
42.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
43.	Xây dựng công trình thủy	4291
44.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
45.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
46.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
47.	Phá dỡ	4311
48.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đầu giá tài sản theo quy định Luật đầu giá tài sản)	4513
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
52.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa	4610
54.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
55.	Bán buôn đồ uống	4633
56.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
57.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
58.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
59.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác	4662
60.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
61.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
62.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
66.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)	4511
67.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
68.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
69.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
70.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
71.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
72.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
73.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
74.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
75.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
76.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
77.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
79.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
80.	Bốc xếp hàng hóa	5224
81.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
82.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
83.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
84.	Xuất bản phần mềm	5820
85.	Hoạt động viễn thông khác Hoạt động của các điểm truy cập Internet. Kinh doanh dịch vụ viễn thông; Kinh doanh hàng hóa viễn thông	6190
86.	Lập trình máy vi tính	6201
87.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
88.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin	6209
89.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư Dịch vụ trung gian thanh toán	6619 (Chính)
90.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
91.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ Tư vấn bất động sản	6820
92.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
93.	Cho thuê xe có động cơ	7710
94.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
95.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
96.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
97.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
98.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
99.	Đại lý du lịch	7911
100.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
101.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
102.	Dịch vụ đóng gói	8292
103.	Giáo dục nhà trẻ	8511
104.	Giáo dục mẫu giáo	8512
105.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng	8559
106.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
107.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền (“Điều lệ”);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2021/NQ-DHĐCĐ ngày tháng năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền (“Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị” hay “Quy chế”).

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên. Đại hội đồng cổ đông quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 (ba) năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% (một phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 (hai) nhiệm kỳ;
- e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
- 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyết định, ký kết các văn đề, hợp đồng, giao dịch theo Điều lệ, quy chế nội bộ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Người phụ trách quản trị có thể kiêm nhiệm là thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại

Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba);

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử đủ số ứng viên;

b) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước, chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

c) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo Điểm a Khoản này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông

tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định hoặc ủy quyền. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh

nghiệp, Điều lệ Công ty;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và/hoặc cổ đông.
- đ) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các

vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, tin nhắn điện tử, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được một trong các địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng tin nhắn điện tử, phương tiện khác bảo đảm đến được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Công ty, theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó một số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên Hội đồng quản trị tham gia có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác nếu được đa số thành viên dự họp tán thành và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp.

14. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:

Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:

a) Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị; và

b) Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và lập ra Biên bản kiểm phiếu;

d) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua.

Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.

15. Các Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị được 100% số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm (bất kể tham dự trực tiếp, thông qua cuộc họp hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức khác) và ủy quyền tham dự tán thành là họp lệ và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp, thông qua nghị quyết, quyết định đó không thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản

trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Gia Khoa

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền (“Điều lệ”);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền (“Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát” hay “Quy chế”).

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người

có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử đủ số ứng viên;

b) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước, chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo Điểm a Khoản này làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử. Ban kiểm soát đương nhiệm thực hiện đề cử theo Khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng

quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành

viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ

tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền bao gồm 7 Chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Phạm Thị Thu Hoài

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”);

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền (“Điều lệ”);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Tập đoàn Trường Tiền (“Quy chế nội bộ về quản trị Công ty” hay “Quy chế”) bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

1.2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

2.1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Việc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

thường niên hoặc bất thường được thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 18 Điều lệ Công ty.

2.2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp: Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị Danh sách cổ đông có quyền dự họp đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông: Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho các cổ đông bằng phương thức gửi thư, fax, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông: Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông và các công việc khác theo quy định tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

b) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điểm a nêu trên nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- i) Kiến nghị được gửi đến Công ty không đúng quy định tại Điểm a nêu trên;
- ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;
- iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại

Điểm a nêu trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điểm b; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp hoặc văn ủy quyền có thể được cổ đông gửi tới Công ty hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

c) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

2.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: được thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông có quy định khác.

2.8. Điều kiện tiến hành:

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của Công ty.

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm b nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2.9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Trừ trường hợp quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông có quy định khác, thể thức tiến hành biểu quyết thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

2.10. Cách thức biểu quyết:

Trừ trường hợp quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông có quy định khác, cách thức bỏ phiếu được quy định như sau:

- Việc biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu: Các nội dung biểu quyết được ghi trong thẻ biểu quyết sẽ được Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án “tán thành” hoặc “không tán thành” hoặc “không có ý kiến” vào từng nội dung cần lấy ý kiến. Cách thức và nội dung bỏ phiếu chi tiết được thực hiện theo Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông được Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp.

- Việc biểu quyết theo hình thức biểu quyết trực tiếp (trong trường hợp không áp dụng hình thức bỏ phiếu) thực hiện như sau: Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của Cổ đông biểu quyết về vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ thẻ biểu quyết của mình lên hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa hoặc Đoàn Chủ tịch. Ban kiểm phiếu sẽ ghi lại số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để công bố kết quả biểu quyết trước Đại hội.

- Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị /Ban kiểm soát được thực hiện theo quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị / Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hoặc được gửi kèm Phiếu lấy ý kiến cổ đông.

2.11. Cách thức kiểm phiếu:

Trừ trường hợp quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông có quy định khác, cách thức kiểm phiếu được quy định như sau:

- Việc kiểm phiếu được thực hiện bởi Ban kiểm phiếu gồm một hoặc một số thành viên do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc thông qua.

- Ban kiểm phiếu làm việc trong một phòng hoặc khu vực riêng và sử dụng các phương tiện kỹ thuật điện tử (nếu cần) trong việc kiểm phiếu để thực hiện kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra lần lượt từng thẻ biểu quyết, kiểm tra tính hợp lệ của thẻ biểu quyết, ghi kết quả biểu quyết và tính toán, loại bỏ số cổ phần không được quyền biểu quyết của cổ đông có liên quan (nếu có).

- Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu có trách nhiệm niêm phong toàn bộ thẻ biểu quyết, bàn giao cho Trưởng ban kiểm phiếu (nếu có); đồng thời, lập biên bản kết quả kiểm phiếu, ký tên vào biên bản kiểm phiếu theo quy định.

2.12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua:

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

- iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- v) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
- vi) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Mục a Điều 2.12 Khoản 2 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

c) Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2.13. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

2.14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

2.15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- ii) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- iii) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- iv) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- vi) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- ix) Họ, tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

c) Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài

thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

2.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, tài liệu khác theo quy định, các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

3.1. Các trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

3.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

b) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- ii) Mục đích lấy ý kiến;
- iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- vi) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- i) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- ii) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu

không tham gia biểu quyết.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

h) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

4.1. Công ty có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác phù hợp với quy định của pháp luật, thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và theo Quy chế này, Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm.

4.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật, Quy chế này và Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị dự thảo, ban hành tùy từng thời điểm thực hiện trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định và phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

1.3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty.

2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

2.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử đủ số ứng viên;

b) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước, chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

c) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo Điều a Khoản này làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

2.3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn

không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Điểm 2.2 Khoản 2 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

2.4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

3.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu là 03 (ba) người và tối đa là 11 (mười một) người được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu. Đại hội đồng cổ đông quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.

3.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

3.3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

3.4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

3.5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

3.6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

4. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

4.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

4.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội

đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4.5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

4.6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

5.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5.2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường hoặc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.

5.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty và/hoặc cổ đông.

5.4. Đề nghị quy định tại khoản 5.3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 5.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo

mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, tin nhắn điện tử, thư điện tử, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được một trong các địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

5.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5.8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

5.9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng tin nhắn điện tử, phương tiện khác đảm bảo đến được Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký Công ty.

5.10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

5.11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

5.12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5.13. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức khác mà trong đó một số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên Hội đồng quản trị tham gia có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp tổ chức dưới hình thức hội nghị

trực tuyến hoặc hình thức khác nếu được đa số thành viên dự họp tán thành và có hiệu lực như đối với cuộc họp trực tiếp.

5.14. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản:

Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền theo các thủ tục sau:

a) Gửi Phiếu lấy ý kiến kèm theo các tài liệu liên quan, dự thảo Nghị quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị; và

b) Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị và gửi lại phiếu lấy ý kiến đã được trả lời theo thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến;

c) Chủ tịch Hội đồng quản trị cử ra Ban kiểm phiếu để kiểm tra kết quả biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và lập ra Biên bản kiểm phiếu;

d) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành Nghị quyết của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua.

Nghị quyết Hội đồng quản trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức họp lệ.

5.15. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế của Hội đồng quản trị thì biên bản này có hiệu lực.

5.16. Các Nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị được 100% số thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm (bất kể tham dự trực tiếp, thông qua cuộc họp hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức khác) và ủy quyền tham dự tán thành là họp lệ và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp, thông qua nghị quyết, quyết định đó không thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty.

6. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

6.1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

6.2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và Quy chế nội bộ khác.

7. Người phụ trách quản trị Công ty

7.1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công

ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

7.2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

7.3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty.

2. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

a) Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

i) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

ii) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

c) Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản này;

ii) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

iii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

d) Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

i) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

ii) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

iii) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

iv) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 5. Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

5. Trong quá trình điều hành, Tổng giám đốc được ủy quyền hoặc giao cho Phó Tổng giám đốc thực hiện một hoặc một số công việc điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc: Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo cho Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị. Các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị nhưng không có quyền biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.

b) Hội đồng quản trị có trách nhiệm phối hợp, hợp tác chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho Ban kiểm soát thực hiện quyền kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định; đồng thời chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

d) Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát, đồng thời cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

a) Hội đồng quản trị đảm bảo điều kiện thuận lợi nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Tổng giám đốc thực hiện tốt nhất việc điều hành, quản lý các hoạt động kinh doanh của Công ty.

b) Tùy từng nội dung, Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.

c) Khi có yêu cầu của Tổng giám đốc như quy định tại Điều lệ Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

d) Khi có yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải triệu tập họp Ban Tổng giám đốc. Trong trường hợp này, quyết định của Ban Tổng giám đốc được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị để báo cáo.

đ) Tổng giám đốc có thể xin ý kiến Hội đồng quản trị các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc mà Tổng giám đốc nhận thấy cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi quyết định.

e) Tổng giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo, triển khai thực hiện các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị /Đại hội đồng cổ đông. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề không có lợi cho Công ty, các cổ đông, Tổng giám đốc có quyền kiến nghị Hội đồng quản trị xem xét để điều chỉnh cho phù hợp.

f) Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành Công ty và thực hiện các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị /Đại hội đồng cổ đông.

g) Tổng giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất.

3. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

a) Tùy từng nội dung, Tổng giám đốc có thể mời Ban kiểm soát tham dự cuộc họp của Ban Tổng giám đốc nếu xét thấy cần thiết. Ban kiểm soát có thể đóng góp ý kiến (nếu có) tại cuộc họp cho Tổng giám đốc.

b) Tổng giám đốc thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

c) Tổng giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và trong thời gian sớm nhất.

d) Các báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đồng thời đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 7. Quy định về đánh giá khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý khác

1. Căn cứ vào nội quy và/hoặc quy định/quy chế khác liên quan đến hoạt động khen thưởng, kỷ luật của Công ty, việc tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất được thực hiện như sau:

a) Việc khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Việc khen thưởng đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

c) Việc khen thưởng đối với Người quản lý khác do Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc quyết định căn cứ vào thẩm quyền bổ nhiệm/miễn nhiệm từng chức danh đối với Người quản lý khác được Điều lệ Công ty hoặc quy chế/quy định khác của Công ty quy định.

2. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Người quản lý khác vi phạm Điều lệ Công ty, Quy chế này, nội quy và/hoặc quy định/quy chế khác của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm của người vi phạm, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc với thẩm quyền tương ứng Khoản 1 Điều này xem xét hình thức xử lý và ban hành quyết định kỷ luật.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này bao gồm 08 Điều do Hội đồng quản trị tổ chức soạn thảo, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này sẽ được áp dụng theo quy định của Điều lệ Công ty, các quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông và quy chế khác của Công ty.

4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty chưa được đề cập đến tại bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị nội bộ của Công ty.

5. Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản trị sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung của Quy chế cho phù hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình quản trị nội bộ của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tại từng thời điểm.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Gia Khoa